

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM  
TRUNG TÂM TIN HỌCCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN**  
**Hội đồng thi: Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế****Lớp: 49.A****Khóa: Chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản****Ngày thi: 01/10/2025****Giờ thi: 17:30****Phòng thi: Phòng MT02-Tầng 2, Nhà đa năng**

| STT | SBD | Tài khoản  | Họ và tên           | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Ghi chú |
|-----|-----|------------|---------------------|-----------|------------|-----------------|---------|
| 1   | 01  | 21L3090009 | Nguyễn Thị Kim Ánh  | Nữ        | 16/11/2003 | Quảng Ngãi      |         |
| 2   | 02  | 2014010098 | Nguyễn Chí Bảo      | Nam       | 19/01/2002 | Khánh Hòa       |         |
| 3   | 03  | 17L1031010 | Nguyễn Tấn Bảo Châu | Nam       | 20/11/1999 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 4   | 04  | 25N280901  | Trần Thị Minh Châu  | Nữ        | 10/10/1992 | Nghệ An         |         |
| 5   | 05  | 25N280904  | Lê Tiến Đạt         | Nam       | 23/12/2002 | Quảng Trị       |         |
| 6   | 06  | 25N280902  | Đào Thị Sông Hương  | Nữ        | 05/01/2003 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 7   | 07  | 20L3080043 | Phạm Tuấn Kiệt      | Nam       | 30/05/2002 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 8   | 08  | 2113070067 | Đặng Lê Lợi         | Nam       | 17/10/2003 | Bình Định       |         |
| 9   | 09  | 25N280909  | Trần Thị Thu Lý     | Nữ        | 03/02/2002 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 10  | 10  | 22L3080025 | Trần Viết Minh      | Nam       | 22/10/2004 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 11  | 11  | 25N280905  | Phan Thị Mừng       | Nữ        | 02/11/2003 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 12  | 12  | 21L3080218 | Phạm Thu Na         | Nữ        | 13/04/2003 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 13  | 13  | 21L3090008 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Nữ        | 17/04/2003 | Bà Rịa Vũng Tàu |         |
| 14  | 14  | 2113070068 | Nguyễn Thị Ngâu     | Nữ        | 20/02/2003 | Bình Định       |         |
| 15  | 15  | 25N280906  | Huỳnh Thị Thu Ngoan | Nữ        | 18/09/2000 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 16  | 16  | 21L3070149 | Phan Xuân Nhân      | Nam       | 13/01/2003 | Đà Nẵng         |         |
| 17  | 17  | 19L3061032 | Hoàng Tấn Tiểu Nhi  | Nam       | 19/03/1999 | Quảng Trị       |         |
| 18  | 18  | 25N280907  | Tôn Nữ Xuân Thanh   | Nữ        | 04/04/2001 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 19  | 19  | 25N280910  | Nguyễn Lê Thu       | Nữ        | 12/10/2003 | Quảng Bình      |         |
| 20  | 20  | 2213140015 | Lê Văn Minh Thuận   | Nam       | 28/07/2004 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 21  | 21  | 21L3070048 | Nguyễn Thị Thương   | Nữ        | 23/02/2003 | Quảng Nam       |         |
| 22  | 22  | 2113090006 | Đoàn Thị Thanh Thúy | Nữ        | 14/04/2003 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 23  | 23  | 19L3201036 | Hoàng Hữu Nhật Tiến | Nam       | 31/05/2001 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 24  | 24  | 22L3140049 | Lê Thanh Tiến       | Nam       | 23/01/2004 | Quảng Trị       |         |
| 25  | 25  | 21L3090003 | Nguyễn Thị Thu Tinh | Nữ        | 02/02/2003 | Gia Lai         |         |
| 26  | 26  | 25N280903  | Trần Văn Tồn        | Nam       | 06/01/1978 | Bình Định       |         |
| 27  | 27  | 25N280911  | Lê Anh Tuấn         | Nam       | 04/07/2003 | Quảng Bình      |         |
| 28  | 28  | 2213080162 | Phan Thị Hoàng Uyên | Nữ        | 09/03/2004 | Quảng Nam       |         |
| 29  | 29  | 21L1020011 | Phan Văn Việt       | Nam       | 15/05/2003 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 30  | 30  | 25N280908  | Nguyễn Quốc Việt    | Nam       | 27/12/2002 | Thừa Thiên Huế  |         |
| 31  | 31  | 20L1020038 | Võ Huy Vũ           | Nam       | 02/11/2002 | Thừa Thiên Huế  |         |

Danh sách này có 31 thí sinh

Huế, ngày 25 tháng 9 năm 2025

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG****Ban thư ký**